

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4- LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12/01/2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đình Mùi.

Bà Hà Thị Kim Nhật.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Bá Đạt- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lào Cai tham gia phiên tòa:
Bà Hà Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 2 năm 2025; Quyết định hoãn số 22/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025; thông báo mở lại phiên tòa số 171/TB-TA ngày 26/12/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987.

Số định danh cá nhân: 015187002286.

Địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Hoàng Cực M, sinh năm 1990.

Số định danh cá nhân: 015090001898.

Địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 30/7/2010 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Yên Bái (cũ). Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với bố mẹ chồng tại Thôn B, xã N, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng chung sống với

nhau đến cuối năm 2013 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi nhau, anh M thường uống rượu về gây sự, đe dọa, chửi bới và đuổi mẹ con chị T mặc dù mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần, cũng đã được tổ hòa giải thôn hòa giải nhưng anh M không thay đổi, từ tháng 9/2025 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Chị T xác định không còn tình cảm, nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hoàng Cực M. Về con chung: Anh chị có 02 con chung Hoàng Hải P, sinh ngày 09/4/2011; Hoàng Anh T1, sinh ngày 24/3/2023, hiện các con đang do chị chăm sóc nuôi dưỡng, khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Hoàng Cực M trình bày: Anh và chị T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 30/7/2010 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Yên Bái (cũ) sau đó sống tại thôn B, xã N, tỉnh Lào Cai. Năm 2025 phát sinh mâu thuẫn do chót công lương gây ra cãi vã, xích mích vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn đã được hai gia đình và thôn hòa giải, anh M có mong muốn vợ chồng quay lại để nuôi hai con. Về con chung: Anh chị có 02 con chung Hoàng Hải P, sinh ngày 09/4/2011; Hoàng Anh T1, sinh ngày 24/3/2023, nếu ly hôn anh M có nguyện vọng nuôi con Hoàng Hải P, để chị T nuôi con Hoàng Anh T1, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn nguyện vọng của cháu Hoàng Hải P đủ 07 tuổi thể hiện cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là Nguyễn Thị T.

Tại biên bản xác minh với Trưởng Thôn B, xã N, tỉnh Lào Cai cho biết: Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Cực M kết hôn và đăng ký năm 2010, sau đó chung sống tại Thôn B, xã N, tỉnh Lào Cai. Năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh M uống rượu về chửi bới và đe dọa chị T, sau đó hai bên gia đình hòa giải vợ chồng về đoàn tụ, đến tháng 9/2025 anh chị có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh M uống rượu về chửi chị T, vợ chồng cãi nhau đã nhờ tổ hòa giải của thôn giải quyết, từ tháng 9/2025 anh chị sống ly thân đến nay. Anh chị có 02 con chung là Hoàng Hải P, sinh năm 2011 và Hoàng Anh T1, sinh năm 2023. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng chị T ở nhà ông bà ngoại (bố mẹ đẻ của chị T). Hiện chị T làm công việc trông trọt, chăm vườn cam và đi làm thuê có thu nhập khoảng 300.000 đồng/ ngày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lào Cai tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T: Xử cho chị T được ly hôn với anh M; Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng cả con hai con chung, anh

M không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí theo quy định; Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Hoàng Cực M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã N, tỉnh Lào Cai. Do đó, vụ án do Tòa án nhân dân khu vực 4- Lào Cai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên tòa bị đơn anh Hoàng Cực M vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Chị Nguyễn Thị T vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Cực M.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Cực M kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/7/2010 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Yên Bái (cũ). Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh M được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống chị T trình bày vợ chồng chung sống với nhau đến cuối năm 2013 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi nhau, anh M thường uống rượu về gây sự, đe dọa, chửi bới và đuổi mẹ con chị T mặc dù mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần, cũng đã được tổ hòa giải thôn hòa giải nhưng anh M không thay đổi, từ tháng 9/2025 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M. Anh Hoàng Cực M trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh năm 2025 nguyên nhân do chót công lương gây ra cãi vã, xích mích vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn đã được hai gia đình và thôn hòa giải, anh M có mong muốn vợ chồng quay lại để nuôi hai con. Tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương thể hiện, anh M chị T có mâu thuẫn vợ chồng nguyên nhân do anh M uống rượu về đe dọa, chửi bới chị T, mâu thuẫn đã được gia đình và thôn hòa giải nhưng không cải thiện, thời gian từ tháng 9/2025 đến nay anh chị sống ly thân. Hội đồng xét xử thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh M có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến chị T yêu cầu ly hôn, anh M mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không đưa ra được giải pháp nào để cải thiện mâu thuẫn vợ chồng và đều vắng mặt khi Tòa án báo gọi, triệu tập đến làm việc, thể hiện anh M không có thiện chí thực sự mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét quan hệ hôn nhân của anh M, chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn tình nghĩa với nhau, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh M có 02 con chung là Hoàng Hải P, sinh ngày 09/4/2011 và Hoàng Anh T1, sinh ngày 24/3/2023. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh M có nguyện vọng được nuôi con Hoàng Hải P, để chị T nuôi con Hoàng Anh T1, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; con chung Hoàng Hải P đủ 07 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ. Xét thấy, khi anh M và chị T phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, chị T đã đem theo các con về nhà bố mẹ để chị T để sinh sống, hiện nay các con chung đang do chị T chăm sóc nuôi dưỡng, tại địa phương chị T có công việc trồng trọt, chăm vườn cam và làm thuê có thu nhập khoảng 300.000 đồng/ ngày, mặc dù anh M có nguyện vọng nuôi con Hoàng Hải P nhưng khi Tòa án giải quyết vụ án anh M không đến Tòa án, không đưa ra chứng cứ chứng minh cho yêu cầu nuôi con của mình. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người phụ nữ và con chưa thành niên, nên giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp quy định tại các Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Do chị T không yêu anh M phải cấp dưỡng nuôi con, nên anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hoàng Cục M.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là Hoàng Hải P, sinh ngày 09/4/2011 và Hoàng Anh T1, sinh ngày 24/3/2023. Anh Hoàng Cục M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai số: 0001229 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Cực M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 4- Lào Cai;
- Phòng THADS khu vực 4- Lào Cai;
- UBND xã Nghĩa Tâm;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lưu Hoa Quỳnh